TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **548/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: **13/12/2024**
V/v: Xin ly hôn giữa chị Đặng Thị C và anh Trần Ngọc T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ- TP HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Tự Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Long và bà Lê Thị Thu Hạnh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên- Cán bộ Toà án nhân dân huyện Thanh Trì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên toà: Ông Tô Xuân Tùng- Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Trì xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 471/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2024/QĐXX ngày 04/12/2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Đặng Thị C, sinh năm 1985**

HKTT và chỗ ở: Ngõ X, đội Y, xã T, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

(Chị C có mặt tại phiên tòa)

*** Bị đơn: Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1982**

HKTT tại: Thôn L, xã P, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam

Trú tại: Ngõ X, thôn N, xã T, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.

(Anh T có mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án nguyên đơn là chị Đặng Thị C trình bày:**

- Về tình cảm: Tôi và anh Trần Ngọc T được tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 03/08/2004 tại UBND xã Phú Phúc, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Trước khi kết hôn chưa ai có vợ có chồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở nhiều nơi, đến khoảng năm 2013 vợ chồng chung sống tại ngõ 5 Khu giãn dân, thôn Nhân Hòa, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội. Vợ chồng sống hạnh phúc được vài năm đầu, đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng nghi ngờ lẫn nhau có quan hệ ngoài vợ chồng, thời gian này chúng tôi chung sống tại thành phố Hồ Chí Minh. Anh T nghi ngờ tôi có quan hệ nam nữ với anh Bốn ở thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên chúng tôi chỉ có quan hệ bạn bè bình thường. Từ đó trở đi anh T thường xuyên đay nghiến, xúc phạm, chửi bới, đánh đập tôi. Đã có lần tôi phải đến Công an xã Tả Thanh Oai trình báo về việc anh T đánh tôi từ năm 2015. Sau đó tôi được Công an xã phân tích nên tôi lại tiếp tục quay về chung sống với anh T nhưng vẫn không hạnh phúc nguyên nhân là do anh T có quan hệ với chị T1 thuê nhà ở đường 70. Vợ chồng từ đó trở đi mâu thuẫn căng thẳng kéo dài. Khoảng tháng 7, 8 năm 2018 và tháng 6 năm 2023, tôi đã làm đơn xin ly hôn anh T nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng từ đó đến nay sống vẫn không có hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau.

Đến khoảng tháng 9 năm 2024 vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn nguyên nhân là do thời điểm đó xảy ra bão lũ anh T có cho anh em ruột gửi nhờ trâu, bò, lợn, gà tại nhà của bố mẹ anh T ở Lý Nhân, Hà Nam. Nhà này là do tôi bỏ tiền ra xây dựng. Sau đó tôi nói với anh T là tại sao cho gửi mà không hỏi ý kiến. Anh T có nói tôi không có quyền gì. Từ đó vợ chồng không ai quan tâm đến ai và sống ly thân cho đến nay

Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn, tôi có nguyện vọng xin được ly hôn anh T

- Về con chung: Tôi và anh T có 03 con chung là Trần Tuấn A, sinh ngày 26/04/2005, Trần Diệp A1, sinh ngày 14/01/2008, Trần Thị Ngọc A2, sinh ngày 06/10/2010.

Cháu Tuấn A đủ tuổi trưởng thành nên không đề nghị xem xét

Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi 02 con chung và yêu cầu anh T đóng góp phí tổn nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng

Hiện tôi buôn bán hoa quả thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng

- Về tài sản chung, nhà ở và công nợ: Tôi và anh T tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn là anh Trần Ngọc T trình bày:***

- Về thời gian điều kiện kết hôn đúng như chị C trình bày. Mâu thuẫn vợ chồng chị C khai ở trên là không đúng. Chị C khai tôi có quan hệ nam nữ với chị T1 là không đúng. Chị T1 gái mát xa, tôi chỉ đến nơi chị T1 để đấm lưng.

Đến khoảng tháng 9 năm 2024, vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do thời điểm đó xảy ra bão lũ nên tôi có cho anh em ruột tôi gửi nhờ trâu, bò, lợn, gà tại nhà của bố mẹ đẻ tôi ở Lý Nhân, Hà Nam. Sau đó chị C nói với tôi là tại sao cho gửi mà không hỏi ý kiến chị C. Tôi có nói chị C không có quyền gì. Từ đó chị C không nói chuyện tình cảm vợ chồng với tôi nhưng chúng tôi vẫn nói chuyện với nhau về chuyện làm ăn, con cái. Tuy trong cuộc sống vợ chồng đôi lúc có xảy ra cãi cọ, chửi bới, xúc phạm nhau về những chuyện sinh hoạt trong gia đình. Tôi xác định trong cuộc sống tôi đã làm tròn bổn phận của người chồng, người cha, không cờ bạc, rượu chè, chưa làm điều gì có lỗi với vợ con.

Nay tôi xác định mẫu thuẫn vợ chồng không có gì to tát chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống gia đình. Chị C xin ly hôn, tôi không đồng ý.

- Về con chung: Tôi và chị C có 03 con chung là Trần Tuấn A, sinh ngày 26/04/2005, Trần Diệp A1, sinh ngày 14/01/2008, Trần Thị Ngọc A2, sinh ngày 06/10/2010.

Cháu Tuấn A đủ tuổi trưởng thành nên không đề nghị xem xét

Khi ly hôn, chị C có nguyện vọng được nuôi 02 con chung và yêu cầu tôi đóng góp phí tổn nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng, tôi đồng ý

- Về tài sản chung, nhà ở và công nợ: Tôi và chị C tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà:

- Chị Đặng Thị C vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện và không có ý kiến gì bổ sung.

- Anh Trần Ngọc T vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và không đồng ý ly hôn

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

- Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật

- Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự:

+ Nguyên đơn chấp hành, đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự

+ Bị đơn không chấp hành chưa đầy đủ, không đưa ra các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của mình

* Về nội dung vụ án: Chị C và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh chị đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2009, nguyên nhân là do vợ chồng không có sự tin tưởng nghi ngờ lẫn nhau có quan hệ nam nữ ngoài vợ chồng, vợ chồng thường xuyên cãi cọ, đã có lần vợ chồng đánh cãi nhau. Đến tháng 6/2023, chị C đã làm đơn xin ly hôn anh T tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, sau đó chị C rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng từ đó đến nay vợ chồng vẫn mâu thuẫn, vợ chồng không ăn ở, sinh hoạt cùng nhau, mỗi người một nơi.

Nay nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị C. Chị Đặng Thị C được ly hôn anh Trần Ngọc T

- Về con chung: Giao cháu Trần Diệp A1 và Trần Thị Ngọc A2 cho chị Đặng Thị C chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T đóng góp phí tổn nuôi con cho chị C 2.000.000 đồng/tháng

- Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung: Hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết do đó không xem xét

- Về án phí: Chị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:**

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đặng Thị C xin ly hôn anh Trần Ngọc T có hộ khẩu thường trú tại: Thôn L, xã P, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam và hiện trú tại: Ngõ X, thôn N, xã T, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội. Toà án nhân dân huyện Thanh Trì thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật, bị đơn là anh Trần Ngọc T đã được Toà án triệu tập nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên hoà giải nhưng không đến Tòa án để giải quyết mà thể hiện thái độ chống đối, chỉ một lần duy nhất là ngày 21/11/2024 anh T có mặt.

*** Về quan hệ hôn nhân:** Chị Đặng Thị C và anh Trần Ngọc T được tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn ngày 03/08/2004 tại UBND xã Phú Phúc, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Đây là một hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2009, nguyên nhân là do vợ chồng không có sự tin tưởng nghi ngờ lẫn nhau có quan hệ nam nữ ngoài vợ chồng, vợ chồng thường xuyên cãi cọ, đánh nhau, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Đến tháng 6/2023, chị C đã làm đơn xin ly hôn anh T tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, sau đó chị C rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng từ đó đến nay vợ chồng vẫn mâu thuẫn, vợ chồng không ăn ở, sinh hoạt cùng nhau, sống ly thân mỗi người một nơi.

Xác minh tại địa phương được cung cấp: Quá trình chung sống, vợ chồng chị C và anh T thường xảy ra mâu thuẫn. Năm 2023, anh chị cũng đã xảy ra mâu thuẫn, chính quyền địa phương cũng đã xác nhận về vấn đề này

Anh T đã được Toà án tạo điều kiện để tham gia phiên hoà giải nhưng nhiều lần vắng mặt không có lý do. Anh T mong muốn được vợ chồng đoàn tụ nhưng không đưa được các biện pháp, cách thức để cải thiện quan hệ vợ chồng.

Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh T là trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn được. Vì vậy Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống chung giữa chị C và anh T không có hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh T là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

*** Về con chung:** Chị C và anh T có 03 con chung là Trần Tuấn A, sinh ngày 26/04/2005, Trần Diệp A1, sinh ngày 14/01/2008, Trần Thị Ngọc A2, sinh ngày

06/10/2010. Anh Tuấn A đủ tuổi trưởng thành do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận để chị C trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung. Anh T tự nguyện đóng góp phí tổn nuôi con cho chị C 2.000.000 đồng/tháng. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao chị C trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trần Diệp A1 và Trần Thị Ngọc A2, thời gian kể từ tháng 12/2024 đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T đóng góp phí tổn nuôi con cho chị C 2.000.000 đồng/tháng. Anh T có quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

*** Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung:** Hai bên không đề nghị Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

*** Về án phí:** Chị Đặng Thị C phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị C. Chị Đặng Thị C được ly hôn anh Trần Ngọc T.

2. Về con chung: Giao chị Đặng Thị C trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Diệp A1, sinh ngày 14/01/2008 và Trần Thị Ngọc A2, sinh ngày 06/10/2010, thời gian kể từ tháng 12/2024 đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Ngọc T đóng góp phí tổn nuôi con cho chị C 2.000.000 đồng/tháng.

Anh T có quyền gặp gỡ, thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung: Hai bên tự giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm đã nộp được trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0056314 ngày 21/10/2024 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội
- VKS, Chi cục THADS huyện Thanh Trì
- UBND xã Phú Phúc số 23/KH, quyển số 01/2004 ngày 03/08/2004
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Tự Hiếu